

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 02 năm 2026

### **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch  
đầu tư công năm 2025 sang năm 2026 nguồn vốn ngân sách trung ương**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA X, KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 2231/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương để thực hiện Thông báo kết luận số 81-TB/TW của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới;*

*Căn cứ Quyết định số 2429/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển và kế hoạch đầu tư*

*công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho 04 địa phương để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW;*

*Căn cứ Quyết định số 2466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021- 2025 của các địa phương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 của tỉnh Đắk Lắk sau sắp xếp;*

*Xét Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2025 sang năm 2026 nguồn vốn ngân sách trung ương; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 2236/UBND-ĐTĐKT ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp thu ý kiến thẩm tra dự thảo Nghị quyết cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2025 sang năm 2026 nguồn vốn ngân sách trung ương; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2025 đến hết ngày 31/12/2026, với số vốn là 2.815.239,315 triệu đồng. Trong đó: Vốn trong nước đầu tư theo ngành lĩnh vực là 1.470.543,431 triệu đồng; Vốn nước ngoài là 502.033,202 triệu đồng; vốn tăng thu, tiết kiệm chi là 842.662,682 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh. Chịu trách nhiệm về nội dung, tính chính xác của số liệu trình đảm bảo theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Năm thông qua ngày 12 tháng 02 năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH****Cao Thị Hòa An**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN**  
**NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2026**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 12 tháng 02 năm 2026 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư					Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn NSTW năm 2025 sang năm 2026				Ghi chú
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Trong đó:				
				Ngoài nước	Ngân sách trung ương			Ngân sách tỉnh	Vốn trong nước	ODA	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>11.945.794</b>	<b>2.692.076</b>	<b>7.225.307</b>	<b>1.816.411</b>	<b>2.815.239,315</b>	<b>1.470.543,431</b>	<b>502.033,202</b>	<b>842.662,682</b>	
<b>I</b>	<b>Công an tỉnh</b>		<b>107.483</b>	-	<b>107.483</b>	-	<b>107.483,000</b>	<b>107.483,000</b>	-	-	
1	Dự án: Mua sắm trang thiết bị, phần mềm, cơ sở vật chất phục vụ triển khai Đề án 06	53/NQ-HĐND, ngày 06/12/2024	107.483		107.483		107.483,000	107.483,000	-	-	
<b>II</b>	<b>Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh</b>		<b>81.000</b>	-	<b>76.000</b>	-	<b>2.259,927</b>	<b>2.259,927</b>	-	-	
1	Đường từ xã Krông Na-khu vực đồn biên phòng 749 ra biên giới, huyện Buôn Đôn	3849/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	81.000		76.000		2.259,927	2.259,927	-	-	
<b>III</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD CT DD&amp;CN tỉnh</b>		<b>1.869.763</b>	-	<b>1.819.763</b>	-	<b>268.013,463</b>	<b>268.013,463</b>	-	-	
1	Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ	2882/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	503.400		488.400		44.210,949	44.210,949	-	-	

2	Nâng cấp Khoa ung bướu thành Trung tâm Ung bướu thuộc Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên	799b/QĐ-UBND ngày 31/3/2022	630.292		610.292		127.828,827	127.828,827	-	-	
3	Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Đắk Lắk	2812/QĐ-UBND, ngày 14/12/2022	286.000		286.000		26.244,118	26.244,118	-	-	
4	Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 2 đoạn Km6+431 - Km22+550	3037/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	320.000		310.000		30.528,432	30.528,432	-	-	
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực trung tâm điểm du lịch hồ Lắk	3865/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	130.071		125.071		39.201,137	39.201,137	-	-	
<b>IV</b>	<b>Ban QLDA ĐTXDCT GT&amp;NNPTNT tỉnh</b>		<b>2.368.274</b>	<b>464.412</b>	<b>1.679.000</b>	<b>80.862</b>	<b>782.041,761</b>	<b>536.981,236</b>	<b>245.060,525</b>	<b>-</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 13, đoạn Km6+840 - Km25+300	3648/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	225.000		217.000		73.967,735	73.967,735	-	-	
2	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 12, đoạn Km15+500 - Km31+000	625/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	100.000		96.000		8.708,206	8.708,206	-	-	
3	Đường giao thông từ Ea Hồ đi Tam Giang, huyện Krông Năng	1188/QĐ-UBND ngày 24/5/2022	140.000		134.000		87.099,453	87.099,453	-	-	
4	Đường giao thông từ Quốc lộ 26 đi xã Ea Ô, huyện Ea Kar kết nối trung tâm xã Vụ Bản, huyện Krông Pắc	3848/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	200.000		192.000		88.525,858	88.525,858	-	-	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên huyện Cư M'gar - Ea Súp	3851/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	190.000		184.000		8.152,129	8.152,129	-	-	
6	Đê bao ngăn lũ phía Nam sông Krông Ana	2886/QĐ-UBND, 30/10/2018; 1324/QĐ-UBND 04/6/2019	200.000		115.000		1.053,189	1.053,189	-	-	
7	Hệ thống kênh và CTKC có F tưới <150 ha (địa bàn tỉnh Đắk Lắk) thuộc dự án công trình thủy lợi hồ chứa nước Ia Mơr giai đoạn 2	1543/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	114.000		110.000		78.109,666	78.109,666	-	-	

8	Hệ thống trạm bơm và công trình thủy lợi Dur Kmāl, xã Dur Kmāl huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	2635/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	164.000		159.000		107.626,725	107.626,725	-	-	
9	Đường giao thông liên huyện Krông Năng đi Ea H'leo	792/QĐ-UBND ngày 30/3/2022	150.000		144.000		10.461,153	10.461,153	-	-	
10	Đường giao thông từ ngã ba Quảng Đại, xã Ea Rôk đi Quốc lộ 14C, huyện Ea Súp	3649/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	100.000		96.000		23.759,880	23.759,880	-	-	
11	Đường giao thông liên huyện Cư M'gar - huyện Ea H'leo (đoạn từ xã Ea K'pam đi xã Ea Kuêh, huyện Cư M'Gar)	3847/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021	140.000		136.000		18.887,759	18.887,759	-	-	
12	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông vào khu du lịch cụm thác Dray Sáp Thượng và Dray Nur, xã Dray Sáp, huyện Krông Ana	3853/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	100.000		96.000		30.629,483	30.629,483	-	-	
13	Tiểu dự án nâng cấp, xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ nước tưới cho cây trồng cạn tỉnh Đắk Lắk, dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	06/QĐ-UBND ngày 02/01/2019; 770/QĐ-UBND ngày 08/4/2019	545.274	464.412		80.862	245.060,525	-	245.060,525	-	
<b>V</b>	<b>Sở Khoa học công nghệ</b>		<b>330.000</b>	<b>-</b>	<b>317.000</b>	<b>-</b>	<b>68.819,403</b>	<b>68.819,403</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Dự án xây dựng hạ tầng chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030	2981/QĐ-UBND, ngày 29/12/2022	330.000		317.000		68.819,403	68.819,403	-	-	
<b>VI</b>	<b>Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk</b>	<b>-</b>	<b>5.205.340</b>	<b>696.300</b>	<b>3.226.061</b>	<b>1.282.979</b>	<b>1.473.649,084</b>	<b>486.986,402</b>	<b>144.000,000</b>	<b>842.662,682</b>	
1	Tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy An - thành phố Tuy Hòa (giai đoạn 1)	815/QĐ-UBND ngày 12/6/2024; 825/QĐ-UBND ngày 05/8/2025	2.228.000		1.600.000	628.000	842.662,682	-	-	842.662,682	

2	Đầu tư xây dựng bệnh viện Sản nhi tỉnh Phú Yên	200/QĐ-UBND ngày 17/02/2025; 02063/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	753.283		420.742	332.541	63.632,000	63.632,000	-	-	
3	Kè chống xói lở Đầm Cù Mông (giai đoạn 2), thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	1317/QĐ-UBND ngày 01/10/2024	233.690		200.322	33.368	90.055,306	90.055,306	-	-	
4	Đầu tư, nâng cấp hoàn chỉnh tuyến ĐT.650	470/QĐ-UBND ngày 27/3/2025; 02487/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	244.710		237.310	7.400	59.164,050	59.164,050	-	-	
5	Xây mới cầu Đồng Hội, xã Xuân Quang 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	333/QĐ-UBND ngày 05/3/2025; 02482/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	175.187		167.687	7.500	26.180,241	26.180,241	-	-	
6	Tuyến đường bộ ven biển đoạn phía Bắc cầu An Hải	1094/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	659.000		600.000	59.000	247.954,805	247.954,805	-	-	
7	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Phú Yên	1795/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	911.470	696.300		215.170	144.000,000	-	144.000,000	-	
<b>VII</b>	<b>Sở Y tế</b>		<b>-</b>	<b>1.337.213</b>	<b>1.033.108</b>	<b>-</b>	<b>304.105</b>	<b>2.851,677</b>	<b>-</b>	<b>2.851,677</b>	<b>-</b>
1	Dự án đầu tư hệ thống xử lý chất thải y tế nguy hại tập trung tại Tp Tuy Hòa; hệ thống xử lý nước thải y tế cho bệnh viện sản nhi và nâng cấp khu xử lý nước thải cho các bệnh viện Sơn Hòa, Đồng Xuân, Tây Hòa và Tuy An, tỉnh Phú Yên.	719/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	43.771	36.596		7.175	2.851,677	-	2.851,677	-	
<b>VIII</b>	<b>Sở Tài chính</b>		<b>646.721</b>	<b>498.256</b>	<b>-</b>	<b>148.465</b>	<b>110.121,000</b>	<b>-</b>	<b>110.121,000</b>	<b>-</b>	
1	Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Lắk	2233/QĐ-UBND, ngày 03/10/2022	646.721	498.256		148.465	110.121,000	-	110.121,000	-	